TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Kim Nhung và ông Trần Xuân Giới

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 614/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, về việc "tranh chấp về hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Hà T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 9, khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị đơn:** anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 9, khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T trình bày:*

- Về tình cảm: chị T và anh Đỗ Văn Q kết hôn năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau kết hôn, anh chị chung sống tại tổ 9, khu 5, phường T. Quá trình chung sống anh, chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 5/2020, anh Q bỏ nhà đi đến tháng 01 năm 2021 trở về. Sau đó mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không cải thiện được, xuất phát từ lối sống, kinh tế và trong các mối quan hệ gia đình. Tháng 4/2021 anh Q tiếp tục bỏ đi nơi khác sinh sống và công khai quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm

vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: anh, chị có 02 con chung: Đỗ Xuân T, sinh 27/11/2014 và Đỗ Thị Thanh H, sinh ngày 24/10/2018. Tại phiên tòa chị T trình bày không đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng cả 02 con chung vì chị có mức thu nhập thấp, trung bình hàng tháng là 6.000.000 đồng/tháng. Do đó, chị T đề nghị chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thanh H, còn anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Xuân T cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

- Về tài sản chung: không có

- Về khoản nợ chung: tại đơn bổ sung về việc giải quyết khoản nợ chung chị T đề nghị Tòa án xác định khoản vay 1.500.000.000đ tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam là khoản nợ riêng của anh Q. Tuy nhiên, sau đó anh Q đã tất toán toàn bộ khoản vay. Hiện vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

* Đối với bị đơn anh Đỗ Văn Q: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không chấp hành, không có mặt ở nhà. Cán bộ Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành lấy lời khai của bị đơn tại nơi cư trú nhưng không lấy được lời khai, vì bị đơn không có mặt ở nhà.

* Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập gồm:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 01 Thẻ căn cước công dân (bản sao), 02 giấy khai sinh (bản sao), 02 Hợp đồng tín dụng và 01 giấy cam kết (bản sao).

- Biên bản lấy lời khai hồi 9 giờ 00 phút ngày 24 tháng 01 năm 2022, con chung Đỗ Xuân T có nguyện vọng được anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau: chị Nguyễn Thị Hà T và anh Đỗ Văn Q kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng 2-3 năm trở lại đây, theo nắm bắt dư luận tại địa phương thì cuộc sống giữa anh, chị không mấy hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, cụ thể là chuyện nợ nần tiền bạc của anh Đỗ Văn Q. Xuất phát từ đó, anh chị thường lục đục bất hòa, anh Q thường không có mặt ở nhà. Trong khoảng thời gian nửa năm trở lại đây, anh Q thường xuyên vắng nhà, thi thoảng mới về thăm con rồi lại đi. Về lối sống: anh chị có lối sống lành mạnh, không sa đà vào các tệ nạn xã hội. Về công việc: chị T mở lớp dạy mầm non, còn anh Q làm nghề gì thì địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương: mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị 02 năm trở lại đây không mấy hòa thuận hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản làm việc ngày 26/01/2022, bố, mẹ đẻ của anh Q là ông, bà: Nguyễn Thị S, Đỗ Văn C cung cấp như sau:

Về thực trạng cuộc sống chung giữa vợ chồng chị T và anh Q: anh, chị chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng khoảng 2-3 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế trong gia đình. Hiện chị T đã ra ở riêng, còn anh Q thường xuyên vắng nhà. Về con chung: anh, chị có 02 con chung, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng cùng với sự hỗ trợ thêm của ông, bà nội. Chị T hiện mở lớp mầm non Tư Thục.

Về việc nhận thay và giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q: ngày 27/11/2021, bà S nhận giấy triệu tập số 03/GTT ngày 26/11/2021; ngày 16/12/2021, ông C nhận giấy triệu tập số 04/GTT ngày 15/11/2021; ngày 25/12/2021, ông C nhận thông báo bổ sung người tham gia tố tụng. Sau khi nhận các văn bản tố tụng trên ông, bà đã giao trực tiếp cho anh Q, anh Q đã nhận và không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành, không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà T, về việc:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

+ Về tình cảm: xử cho chị Nguyễn Thị Hà T ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

+ Về con chung: giao cho chị Nguyễn Hà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thanh H cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Xuân T cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên,không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

+ Về tài sản và khoản nợ chung: không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình của Nguyễn Thị Hà T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phố H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc thay đổi, hủy bỏ tư cách tố tụng: Ngày 27/10/2021, chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xác định khoản nợ 1.500.000.000đ tại Ngân hàng TMP ngoại Thương Việt Nam –Chi nhánh Quảng Ninh (sau đây viết tắt là Ngân hàng) là khoản nợ riêng của anh Q. Căn cứ vào đơn đề nghị và các Hợp đồng tín dụng chị T gửi cho Tòa án, có đủ cơ sở xác định anh, chị có khoản vay trên tại Ngân hàng. Ngày 23/12/2021, Tòa án đã ra thông báo bổ sung Ngân hàng với tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại công văn số 01/VCBQNi-HH-TA của Ngân hàng đã xác nhận đến ngày 21/21/2021, anh Q và chị T đã tất toán toàn bộ khoản vay và không còn bất kỳ nghĩa vụ nào với Ngân hàng. Ngày 16/02/2022, Tòa án đã ra thông báo hủy bỏ tư cách tố tụng của Ngân hàng. Do vậy việc bổ sung, hủy bỏ tư cách tố tụng đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ lời khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, do Tòa án thu thập nêu trên có đủ cơ sở xác định:

* Về tình cảm:

Chị Nguyễn Thị Hà T và anh Đỗ Văn Q chung sống với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc, nhưng khoảng 2-3 năm trở lại đây anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến nhiều lần sống ly thân và không còn sự yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Hiện anh chị sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T, xử cho chị T ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

*Về con chung: anh, chị có 02 con chung có tên, tuổi như nêu trên. Xét đề nghị của chị T về người trực tiếp nuôi con chung và về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp, cần chấp nhận. Do đó, cần giao cho chị Nguyễn Thị Hà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thanh H, giao cho anh Đỗ Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Xuân T cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

*Về tài sản chung: chị T trình bày không có, nên không xét.

*Về khoản nợ chung: không có, nên không xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Hà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà T, về việc: "tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

- *Về tình cảm:* xử cho chị Nguyễn Thị Hà T ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

- *Về con chung*: giao cho chị Nguyễn Thị Hà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thanh H cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Giao cho anh Đỗ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đỗ Xuân T cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp, theo biên lai thu số 0000199 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- UBND phường T, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng